TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2026/DS-PT
Ngày: 14 tháng 8 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Tú

Ông Nguyễn Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2026/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 234/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số C đường L, Tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn V1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Phạm Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là bà Trần Thị V *trình bày*: Do quen biết nên ngày 14/12/2023, vợ chồng bà có cho ông Phạm Văn T vay số tiền 1.300.000.000 đồng. Ông T đã nhận đầy đủ số tiền và tự tay viết giấy vay tiền với nội dung: "Ngày 14/12/2023. Họ và tên C: Phạm Văn T (H), địa chỉ: Đ, C, T, Bắc Ninh, Số CMND 125446838 có vay của anh chị Trần Văn V1, Trần Thị V, địa chỉ: C L, Đ, C, TP ., tỉnh Bắc Ninh số tiền (bằng số): 1.300.000.000 đồng, số tiền (bằng chữ): Một tỷ ba trăm triệu đồng để làm vốn sản xuất kinh doanh thép. Vay từ trưa 14/12/2023 đến ngày ..... tháng..... năm ....." Ông T và bà cùng ký vào cuối Giấy vay tiền. Trong hợp đồng không thoả thuận về lãi suất nhưng có thoả thuận miệng về lãi suất là 1,5%/tháng. Công thức tính lãi như sau: 1.300.000.000 đồng x 1,5%/30 ngày x số ngày trong tháng. Ngoài ra các bên còn thoả thuận về thời gian trả nợ như sau: Khi nào bà cần tiền sử dụng bà sẽ báo trước cho ông T 01 tháng để ông chuẩn bị tiền trả lại cho bà.

Bà xác nhận việc bà cho ông T vay số tiền 1.300.000.000 đồng là tiền gốc, không phải tiền lãi và gốc cộng dồn từ những lần trước.

Tại Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/12/2025 có tên của bà và chồng bà là ông Trần Văn V1 là do mẫu hợp đồng đánh máy sẵn. Việc cho ông T vay tiền là việc riêng của cá nhân bà, chồng bà không biết và không liên quan đến việc này.

Từ khi nhận tiền đến nay, ông T đã thanh toán tiền lãi đến tháng 9/2025 với lãi suất 1,5%/tháng. Bà đã cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông T đã thanh toán tiền lãi.

Nay bà đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Phạm Văn T phải trả tổng số tiền là 1.448.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2025 đến ngày 29/4/2026 là 148.200.000 đồng. Ông T phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại các biên bản làm việc tại Toà án, bị đơn là ông Phạm Văn T *trình bày*: Xác nhận có vay của bà V số tiền 1.300.000.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 14/12/2023 không có thoả thuận lãi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, toàn bộ số tiền ông trả bà V là tiền gốc, hình thức trả tiền là chuyển khoản. Nội dung chuyển khoản trả tiền từng tháng là "Chuyen tien nai", tức là chuyển lại tiền gốc cho bà V. Về nội dung đoạn tin nhắn bà V cung cấp cho Toà án, ông T xác nhận tài khoản Zalo đúng là của ông, xác nhận nội dung đoạn tin nhắn "Hôm nay đến hạn của b phần gốc tôi trưa trả đc phần nãi nà 3 tháng thời gian này ế ẩm tôi muốn b điều chỉnh nãi nà 39tr của 3 tháng đó để trả bà có đc kg" là nội dung ông trao đổi với bà V về tiền lãi và tiền gốc tuy nhiên nội dung này không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V: Ông xác nhận có vay số tiền 1.300.000.000 đồng nhưng trừ đi số tiền đã trả là 402.150.000 đồng là 897.850.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền 897.850.000 đồng nhưng xin được trả dần. Không đồng ý trả lãi vì hợp đồng vay tiền giữa ông và bà V không thoả thuận

lãi. Ông T xác định việc vay tiền là việc riêng giữa ông và bà V, không liên quan đến vợ ông là bà Trần Thị H và chồng bà V là ông Trần Văn V1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn V1 *trình bày:* Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông xác định việc vay tiền là việc riêng giữa bà V và ông T, khoản tiền 1.300.000.000 đồng là tiền riêng của bà V. Ông không biết, không liên quan đến việc này. Trong hợp đồng vay tiền ngày 14/12/2023 bà V ký với ông T có tên của ông là do mẫu hợp đồng này được đánh sẵn. Tất cả những lần ông T trả tiền thì đều chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà V. Ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Trần Thị H *trình bày:* Xác định việc vay tiền là việc riêng giữa ông T và bà V. Bà không biết, không ký vào giấy vay tiền, không liên quan đến việc này và xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Bắc Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Văn T phải trả cho bà Trần Thị V số tiền 1.448.200.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và 148.200.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2026, bị đơn ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm xét xử tính lại tiền lãi theo lãi suất ngân hàng, số tiền đã trả trừ vào tiền gốc, số tiền gốc còn lại xin được trả dần.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn bà Trần Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới. Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Phạm Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo. Ông T xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông với bà V là hợp đồng không có lãi. Ông đã trả được cho bà V tổng số tiền 402.150.000 đồng. Ông chỉ còn phải trả bà V số tiền gốc còn nợ là 897.850.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông phải trả bà V số tiền gốc 897.850.000 đồng. Ông T không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T; giữ

nguyên bản án sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Bắc Ninh.

Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T làm trong hạn luật định là kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; các đương sự này không có kháng cáo nên căn cứ theo quy định tại điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Bắc Ninh xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về tiền nợ gốc: căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án xác định ông Phạm Văn T có vay của bà Trần Thị V số tiền 1.300.000.000 đồng, được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 14/12/2023. Ông T đã nhận đầy đủ số tiền này. Theo bà V thì do ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho bà V theo thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền lãi: tại Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/12/2023 các đương sự không ghi mức lãi suất. Bà V trình bày hai bên có thoả thuận miệng lãi suất của khoản vay là 1,5%/tháng, ông T cho rằng hợp đồng vay giữa hai bên không có lãi do trong hợp đồng không ghi lãi suất. Căn cứ vào tài liệu nguyên đơn cung cấp thì lãi suất khoản vay là 1,5%/tháng và số tiền lãi hàng tháng được tính theo số ngày trong tháng: 28, 29, 30, 31 ngày tương ứng với số tiền 18.200.000 đồng, 18.850.000 đồng, 19.500.000 đồng, 20.150.000 đồng. Thoả thuận này tương ứng với bảng sao kê tài khoản ngân hàng nguyên đơn, bị đơn đã nộp cho Toà án và phù hợp với cách tính lãi nguyên đơn trình bày.

Căn cứ vào nội dung chuyển khoản, số tiền ông T chuyển cho bà V hàng tháng tính từ tháng 1 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025 đều có nội dung "thanh ck lai", "thanh tra tien lai thang 1", "thanh ck lai t2", "thanh ck lai t3", "THANH chuyen lai t4", "thanh ck lai t5", "THANH chuyen tra lai t6", "THANH chuyen tien nai t7", "THANH Chuyen tien nai t8", "THANH Chuyen tien nai t9", "PHAM VAN THANH Chuyen tien lai t10", "THANH Chuyen tien nai t11", "THANH Chuyen tien nai t12", "T chuyen tien nai t1", "T chuyen tien nai t2". Từ tháng 4 năm 2025 đến tháng 8 năm 2025, ông T vẫn chuyển tiền trả tiền lãi

nhưng không ghi nội dung. Số tiền chuyển khoản vẫn phù hợp với khoản tiền lãi hai bên thỏa thuận. Số tiền chuyển khoản 46.000.000 đồng chưa đủ tiền lãi của 3 tháng 6, 7, 8 nhưng nguyên đơn không yêu cầu tính thêm số tiền lãi của những tháng này. Ông T cho rằng những khoản tiền này không phải trả lãi mà là chuyển trả lại tiền gốc. Bà V cung cấp cho Toà án tin nhắn Zalo giữa bà V và ông T vào ngày 14/9/2025 có nội dung *"Hôm nay đến hạn của b phần gốc tôi trưa trả đc phần nãi nà 3 tháng thời gian này ế ẩm tôi muốn b điều chỉnh nãi nà 39tr của 3 tháng đó để trả bà có đc kg",* các bên đều thừa nhận nội dung này thoả thuận về tiền lãi. Ông T cho rằng nội dung này không liên quan đến khoản nợ đang tranh chấp nhưng ngoài khoản nợ này giữa ông T và bà V không có khoản nợ nào khác. Vì vậy, có đủ căn cứ để khẳng định hợp đồng vay tiền giữa ông T và bà V có lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng; mức lãi suất này phù hợp với quy định pháp luật nên xác định đây là hợp đồng vay có lãi. Các bên đều xác nhận tổng số tiền ông T đã trả cho bà V là 402.150.000 đồng nhưng không thống nhất được khoản tiền này trả vào tiền gốc hay trả lãi. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp và phần giải trình cách tính lãi của bà V khẳng định số tiền ông T đã trả là tiền lãi. Tính đến ngày 14/9/2025, ông T đã trả cho bà V tổng số tiền lãi là 402.150.000 đồng.

Bà V yêu cầu ông T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ. Cần buộc ông T phải trả cho bà V tổng số tiền 1.448.200.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2025 đến ngày 29/4/2026 là 1.300.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 7 tháng 15 ngày = 148.200.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T:

Từ nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V là có căn cứ. Ông Phạm Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông phải trả cho bà V tổng số tiền gốc 897.850.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản bản sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Bắc Ninh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003940 ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Văn Tú	**Nguyễn Việt Hùng**	**Phạm Thị Chuyền**